TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 210/2026/DS - PT
Ngày 05 - 3 - 2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hương

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2026/QĐ - PT ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2026/QĐ –PT ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ thường trú: 27A, Khu phố A, phường B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 118E3, đường số C, Khu dân cư S, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Anh Ngô Nhật T, sinh năm 1995 (có mặt)

2. Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2003 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: 118E3, đường số C, Khu dân cư S, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2025.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị M (có mặt), Luật sư Nguyễn Văn T2 (xin vắng mặt), Công ty L - Chi nhánh V.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Công T3, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Chị Lê Thị Cẩm T4, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2025.

2. Anh Lê Minh T5, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2025.

3. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2025.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn anh Trần Văn Đ và quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Nhật T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên trong năm 2023 anh Trần Văn Đ có cho anh Phạm Công T3 vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 01/8/2023, nguyên đơn cho anh T3 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/12/2023. Ngày 09/5/2025, anh T3 đã trả nợ gốc 50.000.000 đồng, tuy nhiên khoản lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ từ ngày 01/12/2023 đến ngày 09/5/2025 anh T3 chưa thanh toán.

Ngày 26/8/2023, nguyên đơn cho anh T3 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn đến ngày 26/10/2023. Đến hạn, anh T3 không trả nợ gốc và cũng không trả lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ từ ngày 26/10/2023 đến nay. Theo anh T3 trình bày, mục đích vay số tiền này để mua xe ô tô phục vụ sinh hoạt, đi lại của vợ chồng anh T3.

Ngày 24/02/2023, nguyên đơn cho anh T3 vay số tiền 33.000.000 đồng, thời hạn đến ngày 27/02/2024. Đến hạn, anh T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Theo anh T3, mục đích vay số tiền này cũng để mua xe ô tô phục vụ sinh hoạt, đi lại của vợ chồng anh T3.

Các lần vay nêu trên, anh T3 đều có lập giấy tay xác nhận việc vay. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Công T3 trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ, tính từ ngày 26/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là 18.896.333 đồng; trả số tiền nợ gốc 33.000.000 đồng và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ, tính từ ngày 27/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là 5.131.060 đồng; trả khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền vay 50.000.000 đồng đã trả gốc, tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 09/5/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là 7.0555.000 đồng. Tổng cộng: 164.082.393 đồng, bao gồm: 133.000.000 đồng tiền vốn gốc và 31.082.393 đồng tiền lãi suất. Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/9/2025 yêu cầu

anh T3 trả số tiền vay bổ sung với số tiền 60.100.000 đồng, bao gồm: 50.100.000 đồng tiền chuyển khoản và 10.000.000 đồng tiền mặt. Tổng cộng, anh Phạm Công T3 phải thanh toán cho nguyên đơn: 224.182.393 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc: 193.100.000 đồng, tiền lãi: 31.082.393 đồng.

Đối với các khoản chuyển khoản như bị đơn trình bày thì nguyên đơn xác nhận là có nhưng chỉ với số tiền 439.100.000 đồng.

Anh Lê Minh T5 là người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Phạm Công T3 trình bày: Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do là trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2023 đến ngày 13/4/2024, anh Phạm Công T3 đã nhiều lần thanh toán cho anh Trần Văn Đ với tổng số tiền là 439.100.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 01/4/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 13/4/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 23/4/2023 chuyển 9.000.000 đồng.
- Ngày 29/4/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 30/5/2023 chuyển 23.000.000 đồng.
- Ngày 07/6/2023 chuyển 101.400.000 đồng.
- Ngày 30/6/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 05/7/2023 chuyển 6.000.000 đồng.
- Ngày 30/7/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 31/7/2023 chuyển 20.000.000 đồng.
- Ngày 07/8/2023 chuyển 6.000.000 đồng.
- Ngày 09/8/2023 chuyển 50.000.000 đồng.
- Ngày 31/8/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 22/9/2023 chuyển 10.000.000 đồng.
- Ngày 26/9/2023 chuyển 6.000.000 đồng.
- Ngày 30/9/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 22/11/2023 chuyển 50.000.000 đồng.
- Ngày 26/11/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 31/11/2023 chuyển 6.000.000 đồng.
- Ngày 23/12/2023 chuyển 70.000.000 đồng.
- Ngày 25/12/2023 chuyển 10.000.000 đồng.
- Ngày 26/12/2023 chuyển 12.000.000 đồng.
- Ngày 20/01/2024 chuyển 20.700.000 đồng.
- Ngày 26/01/2024 chuyển 3.000.000 đồng.

- Ngày 11/3/2024 chuyển 9.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản thanh toán là 439.100.000 đồng.

Đối với các khoản lãi mà nguyên đơn yêu cầu, bị đơn không chấp nhận vì cho rằng trong quá trình thanh toán, số tiền đã trả nhiều lần cho nguyên đơn đã bao gồm cả phần gốc và lãi theo thỏa thuận miệng giữa hai bên. Việc nguyên đơn tiếp tục khởi kiện đòi lãi là không có căn cứ. Đối với số tiền trả vượt quá bị đơn không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Đ về việc buộc bị đơn anh Phạm Công T3 phải trả nợ gốc 133.000.000 đồng và tiền lãi 31.082.393 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, anh Ngô Nhật T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn Đ1 và anh Ngô Nhật T là người đại diện hợp pháp của anh Đ không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, giữa nguyên đơn anh Đ với bị đơn anh T3 có nhiều giao dịch vay tiền với nhau, anh T3 cũng đã trả nợ nhiều khoản vay cho anh Đ; đến ngày 09/5/2025 anh Đ với anh T3 chốt nợ là anh T3 còn nợ anh Đ số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, cùng ngày 09/5/2025 anh T3 chuyển khoản trả cho anh Đ số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ đồng ý giảm cho anh T3 5.000.000 đồng tiền nợ gốc, chỉ yêu cầu anh T3 trả số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Chị Lê Thị Cẩm T4 là người đại diện hợp pháp của bị đơn anh T3 cho rằng: Ban đầu nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 133.000.000 đồng, nay nguyên đơn cung cấp Biên bản làm việc ngày 09/5/2029 thể hiện nội dung bị đơn anh T3 thừa nhận còn nợ số tiền 150.000.000 đồng là vượt phạm vi khởi kiện ban đầu; số tiền150.000.000 đồng này là của khoản vay khác; việc bị đơn anh T3 ký tên vào Biên bản làm việc ngày 09/5/2029 là do bị đe dọa, ép buộc; anh T3 đã trả cho anh Đ khoản tiền rất lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.Ý kiến của vị Kiểm sát viên:Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cung cấp được Biên bản làm việc

ngày 09/5/2029 thể hiện nội dung anh T3 thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền 150.000.000 đồng; sao kê Ngân hàng là Giấy báo có của Ngân hàng Thương Mại cổ phần S chi nhánh B thể hiện vào ngày 09/5/2025 anh Phạm Công T3 có chuyển khoản trả cho anh Trần Văn Đ số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở khẳng định anh T3 còn nợ anh Đ số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ chỉ yêu cầu anh T3 trả số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đ, buộc anh T3 trả cho anh Đ số tiền nợ vay 95.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Huỳnh Thị D, chị Nguyễn Thị Thanh T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; anh Lê Minh T5, anh Phạm Văn H là người đại diệp hợp pháp của bị đơn; anh nguyễn Văn T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Nguyên đơn anh Trần Văn Đ cho rằng ngày 24/02/2023 cho bị đơn anh Phạm Công T3 vay số tiền 33.000.000 đồng, ngày 01/8/2023 cho vay 50.000.000 đồng, ngày 26/8/2023 cho vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 183.000.000 đồng. Bị đơn trả được 50.000.000 đồng của lần vay ngày 01/8/2023, còn nợ lại số tiền 133.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn anh Đ cung cấp các giấy mượn tiền ngày 24/02/2023, ngày 01/8/2023, ngày 26/8/2023 thể hiện anh T3 có vay của anh Đ số tiền 183.000.000 đồng (BL 157 – 159).

Bị đơn anh T3 thừa nhận có vay của anh Đ số tiền 183.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền trên nhưng cho rằng trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2023 đến ngày 11/3/2024, bị đơn anh T3 đã nhiều lần thanh toán cho nguyên đơn anh Đ với tổng số tiền là 439.100.000 đồng. Nguyên đơn anh Đ cũng thừa nhận có nhận số tiền 439.100.000 đồng do bị đơn anh T3 chuyển khoản cho anh Đ nhưng cho rằng số tiền này bị đơn anh T3 chuyển khoản để trả cho các khoản tiền vay khác. Để chứng minh cho lời khai này, nguyên đơn anh Đ có cung cấp sao kê Ngân hàng là bảng Chi tiết giao dịch tài khoản không kỳ hạn có thông tin đối ứng của Ngân hàng Thương Mại cổ phần S chi nhánh B thể hiện nội dung anh Đ có chuyển khoản cho anh T3 06 lần vào các ngày 01/02/2023, 07/6/2023, 26/8/2023, 01/02/2024, 24/02/2024, 02/5/2024 với tổng số tiền 248.000.000 đồng. Để chứng minh cho việc anh T3 còn nợ số tiền vay, nguyên đơn anh Đ cung cấp sao kê Ngân hàng là Giấy báo có ngày 14/10/2025 của Ngân hàng Thương Mại cổ phần S chi nhánh B thể hiện vào ngày 09/5/2025 anh T3 có chuyển cho anh Đ số tiền 50.000.000 đồng với nội dung chuyển tiền ghi: *"Phạm Công T3 chuyển tiền góc của 150 triệu"*. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn anh Đ cung cấp được Biên bản làm việc ngày 09/5/2029 giữa Công ty TNHH D1 - Mua bán nợ 620 *(anh Trần Văn Đ thỏa thuận bán nợ cho Công ty TNHH D1 - Mua bán nợ 620 theo hợp đồng mua bán nợ số: 05/HĐMB/620 - 2024 ngày 14/6/2024; sau đó ngày*

16/05/2025, anh Trần Văn Đ và Công ty TNHH D1 - Mua bán nợ 620 thỏa thuận chấp dứt hợp đồng mua bán nợ số: 05/HĐMB/620 – 2024 ngày 14/6/2024) với anh Phạm Công T3 thể hiện nội dung anh Phạm Công T3 thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền 150.000.000 đồng.Hội đồng xét xử xét thấy, giữa nguyên đơn anh Đ với bị đơn anh T3 có nhiều giao dịch vay tiền với nhau, ngoài số tiền trong 03 biên nhận ngày 24/02/2023, ngày 01/8/2023, ngày 26/8/2023 mà nguyên đơn anh Đ đang khởi kiện thì nguyên đơn anh Đ còn cho bị đơn anh T3 vay nhiều khoản vay khác. Trong tổng số tiền 439.100.000 đồng mà bị đơn anh T3 chuyển khoản trả cho anh Đ (từ ngày 01/4/2023 – 11/3/2024) thì theo lịch sử thời gian chuyển tiền lần cuối cùng anh T3 chuyển trả cho anh Đ là ngày 11/3/2024 với số tiền 9.000.000 đồng. Trong khi đó, tại sao kê là Giấy báo có ngày 14/10/2025 của Ngân hàng Thương Mại cổ phần S chi nhánh B thể hiện vào ngày 09/5/2025 anh T3 chuyển cho anh Đ số tiền 50.000.000 đồng với nội dung chuyển tiền ghi: *"Phạm Công T3 chuyển tiền góc của 150 triệu"* và tại Biên bản làm việc ngày 09/5/2029 giữa Công ty TNHH D1 – Mua bán nợ 620 với anh T3 thể hiện nội dung anh T3 thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền 150.000.000 đồng. Như vậy cho thấy, đến thời điểm ngày 09/5/2025 anh T3 thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền gốc là 150.000.000 đồng, chuyển trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Lâm Thị Cẩm T6 người đại diện hợp pháp của anh T3 cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Phạm Công T3 trong Biên bản làm việc ngày 09/5/2029 là của anh T3 nhưng lúc thì cho rằng anh T3 đe dọa, bị ép buộc ký, lúc thì cho rằng khoản tiền 150.000.000 đồng này là của khoản vay khác nhưng không có chứng cứ chứng minh là anh T3 bị đe dọa, ép buộc ký tên, cũng như không chứng minh được số tiền 150.000.000 đồng này là khoản vay nào; trong khi đó vào ngày 09/5/2025, anh T3 đã thực hiện chuyển tiền trả cho anh Đ1 số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở khẳng định anh T3 còn nợ anh Đ số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Đ và người đại diện hợp pháp của anh Đ tự nguyện giảm cho anh T3 5.000.000 đồng tiền nợ gốc chỉ yêu cầu anh T3 trả cho anh Đ số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.Từ những chứng cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Công T3 phải chịu 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trần Văn Đ phải chịu 3.454.119 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trên số tiền 69.082.393 đồng không được Tòa án chấp nhận) nhưng được trừ vào 5.410.800 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai số 0000883 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, anh Đ được nhận lại số tiền còn dư 1.956.681 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003779 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Văn Đ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Đ.

Buộc anh Phạm Công T3 có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Đ số tiền nợ vay là 95.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Công T3 phải chịu 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trần Văn Đ phải chịu 3.454.119 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.410.800 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai số 0000883 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, anh Đ được nhận lại số tiền còn dư là 1.956.681 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003779 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

Đặng Văn Hùng